

Mua vào

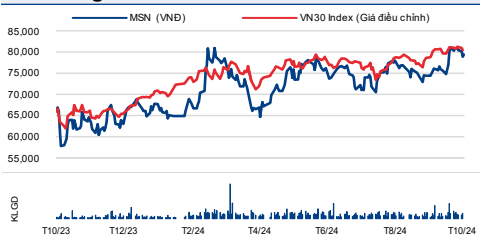
Giá mục tiêu: VNĐ97,200

Tiềm năng tăng/giảm: 22.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/10/2024)	79,400
Mã Bloomberg	MSN VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	57,800-81,100
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	79,500
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	114,205
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,494
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,438
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	705
Slg CP NN được mua (tr.đv)	315
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	27.1%
Tỷ lệ freefloat	42.6%
Cổ đông lớn	ông ty cổ phần Masan (25.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	78,252	84,363	84,013
EBITDA đc (tỷ đồng)	8,302	10,150	11,896
LN TT (tỷ đồng)	2,563	6,057	7,801
LNT ĐC (tỷ đồng)	419	2,474	3,831
FCF (tỷ đồng)	(1,728)	3,060	2,161
EPS ĐC (đồng)	294	1,668	2,532
DPS (đồng)	-	-	-
BVPS (đồng)	18,647	21,369	24,159
T.trưởng EBITDA (%)	(8.52)	22.2	17.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	(88.3)	487	55.1
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	10.6	12.0	14.2
Tỷ suất LN TT (%)	3.28	7.18	9.29
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.54	2.93	4.56
Tỷ lệ LN trả CT (%)	-	-	-
Nợ thuần/VCSH (%)	227	184	154
ROAE (%)	1.59	8.64	11.7
ROACE (%)	4.83	5.94	7.66
EV/doanh thu (lần)	2.20	2.01	1.98
EV/EBITDA ĐC (lần)	20.8	16.7	14.0
P/E ĐC (lần)	270	47.6	31.4
P/B (lần)	4.26	3.72	3.29
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Masan thông qua các công ty con và công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ, sản phẩm tiêu dùng nhanh có thương hiệu, thịt mát có thương hiệu, nguyên liệu cơ bản và dịch vụ tài chính.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng

my.th@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 362

Trần Đăng Mạnh

Chuyên viên

manh.tdang@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 369

Q3/2024: Vượt dự báo

- MSN công bố KQKD Q3/2024 tích cực và cao hơn dự báo của HSC. Lợi nhuận thuần đạt 701 tỷ đồng – tăng 14 lần so với cùng kỳ và 39% so với quý trước, và cao hơn 29% so với dự báo của chúng tôi.
- KQKD cải thiện ở mảng tiêu dùng và bán lẻ, cũng như lỗ tài chính giảm là những động lực tăng trưởng lợi nhuận.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu theo phương pháp SoTP là 97.200đ (tiềm năng tăng giá: 22%), cũng như giữ nguyên dự báo lợi nhuận (trước khi đưa ra xem xét kỹ lưỡng hơn).

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024

KQKD Q3/2024 của MSN tích cực và cao hơn so với dự báo của HSC. Doanh thu thuần đạt 21.487 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ và 7% so với quý trước, cao hơn 4% so với dự báo của chúng tôi. Trong khi đó, lợi nhuận thuần đạt 701 tỷ đồng, tăng 14 lần so với cùng kỳ và 39% so với quý trước, cao hơn 29% so với dự báo của chúng tôi ở mức 542 tỷ đồng.

Các động lực tăng trưởng chính là sự cải thiện vững chắc ở các mảng kinh doanh cốt lõi, bao gồm mức tăng lợi nhuận thuần 14% của Masan Consumer (MCH; Mua vào, giá mục tiêu 268.200đ; MSN nắm giữ 68,3% cổ phần) và lợi nhuận thuần 20 tỷ đồng (so với lỗ khoảng 130 tỷ đồng trong Q3/2023) của mảng kinh doanh bách hóa WinCommerce (WCM; chưa niêm yết; tỷ lệ sở hữu của MSN vừa được nâng lên 78,6% từ 71,5%). Trong khi đó, lỗ tài chính giảm đáng kể nhờ lỗ tỷ giá giảm.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt 60,5 nghìn tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ và hoàn thành 72% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi ở mức 84,4 nghìn tỷ đồng, trong khi lợi nhuận thuần đạt 1.308 tỷ đồng, tăng 255% so với cùng kỳ, từ mức nền thấp và hoàn thành 53% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi ở mức 2.474 tỷ đồng. Tất cả các kết quả trên đều sát với dự báo của chúng tôi. Hơn nữa, HSC dự báo MSN sẽ ghi nhận lợi nhuận không thường xuyên 651 tỷ đồng (sau thuế) nhờ bán H.C.Starck trong Q4/2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 25/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024 hợp nhất, MSN

Tỷ đồng	Q3/24	% sv cùng kỳ	Q3/24F	Thực tế/ Dự báo của HSC	9T2024	% sv cùng kỳ	2024F của HSC
Doanh thu thuần	21,487	7%	20,646	104%	60,476	5%	84,363
Lợi nhuận gộp	6,421	8%	6,068		17,594	8%	25,461
Lỗ tài chính	(1,178)	-40%	(1,350)		(3,907)	-18%	(4,281)
Chi phí BH&QL	(4,808)	5%	(4,730)		(13,972)	7%	(19,729)
Lợi nhuận từ cty LD, LK	1,158	10%	1,273		3,680	25%	4,628
LNST trước lợi ích của cổ đông thiểu số	1,301	169%	1,021		2,726	101%	4,618
Lợi nhuận thuần	701	1349%	542	129%	1,308	255%	2,474
EBITDA	2,788	17%	-		6,781	7%	10,150
EBITDA điều chỉnh*	4,233	13%	-		11,341	11%	14,778

Ghi chú: *EBITDA điều chỉnh bao gồm lợi nhuận từ các công ty liên doanh, liên kết & các khoản trả trước dài hạn
Nguồn: MSN, HSC

MCH: Lợi nhuận thuần tích cực và sát với dự báo

MCH báo cáo LNST Q3/2024 ở mức 2.094 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ, sát với dự báo của chúng tôi ở mức 2.125 tỷ đồng, mặc dù doanh thu thuần đạt 7.987 tỷ đồng (tăng 10% so với cùng kỳ) thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi ở mức 8.287 tỷ đồng. MCH đóng góp 52% EBITDA Q3/2024 của MSN.

Tăng trưởng doanh thu của MCH được thúc đẩy bởi tăng trưởng 'doanh thu sản phẩm cao cấp' (tăng 21% so với cùng kỳ, đóng góp 22% doanh thu thuần) và 'doanh thu từ đổi mới sản phẩm' (123 SKU được tung ra thị trường trong 12 tháng qua, đóng góp 7,2% doanh thu thuần). Tỷ suất lợi nhuận thuần cải thiện lên 26,2% (từ 25,4% trong Q3/2023) nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp tăng nhẹ, tối ưu hóa chi phí bán hàng và doanh thu HĐ tài chính tăng.

WCM và MML: Chuyển sang có lãi, vượt dự báo

WCM cũng báo cáo KQKD tích cực hơn, với doanh thu thuần Q3/2024 tăng 9,1% so với cùng kỳ đạt 8,6 nghìn tỷ đồng, cao hơn dự báo của HSC ở mức 8 nghìn tỷ đồng. Công ty lần đầu ghi nhận lợi nhuận thuần (sau nhiều năm thua lỗ) ở mức 20 tỷ đồng, giảm mức lỗ thuần trong 9 tháng đầu năm 2024 xuống còn 203 tỷ đồng. Đáng lưu ý, dự báo WCM lỗ 315 tỷ trong năm 2024 của chúng tôi kém lạc quan.

Chúng tôi cho rằng WCM có chuyển biến lợi nhuận tích cực là nhờ doanh thu trên mỗi cửa hàng tăng mạnh 8,1% so với cùng kỳ – giúp giảm chi phí hoạt động trên mỗi cửa hàng và tăng tỷ suất lợi nhuận – cùng với việc mở thêm cửa hàng (có thêm 149 cửa hàng mới trong 12 tháng qua).

Mảng kinh doanh thịt **Masan MeatLife** (MML; chưa khuyến nghị; MSN nắm giữ 94,9% cổ phần) cũng ghi nhận KQKD tích cực trong Q3/2024. Doanh thu thuần đạt 1.936 tỷ đồng, tăng 2% so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận thuần đạt 20 tỷ đồng, cải thiện đáng kể từ lỗ 72 tỷ đồng trong Q3/2023 và lỗ 31 tỷ đồng trong Q2/2024. Sự cải thiện trên có được là nhờ mức tăng trưởng doanh thu vững chắc của phân khúc thịt chế biến, thịt heo tươi sống, cơ cấu sản phẩm hiệu quả hơn, cũng như giá bán cao hơn.

MHT: Tiếp tục thua lỗ, thấp hơn dự báo

Công ty khai thác khoáng sản Masan High Tech Material (tên viết tắt: MHT) (MSR; chưa khuyến nghị; MSN nắm giữ 86,4% cổ phần) ghi nhận lỗ 274 tỷ đồng trong Q3/2024 (nhiều hơn 91% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 3.727 tỷ đồng (tăng 4% so với cùng kỳ). Sản lượng tiêu thụ Vonfram và đồng giảm do nhu cầu thấp và việc đứt gãy chuỗi cung ứng do bão Yagi gây ra là những nguyên nhân chính của tình trạng thua lỗ trên. Trong 9 tháng đầu năm 2024, MHT lỗ 1.351 tỷ đồng, cao hơn dự báo cho cả năm của chúng tôi ở mức 922 tỷ đồng – đáng thất vọng.

Đóng góp từ TCB: Tăng 9%, thấp hơn một chút so với dự báo

Lợi nhuận đóng góp từ công ty liên kết Techcombank (TCB; Mua vào, giá mục tiêu 28.250đ; MSN nắm giữ 19,9% cổ phần) tăng 9% so với cùng kỳ đạt 1.136 tỷ đồng trong Q3/2024, cao hơn một chút so với dự báo của chúng tôi ở mức 1.255 tỷ đồng.

Lãi tài chính giảm 40%, cao hơn một chút so với dự báo

Lãi tài chính giảm mạnh 40% xuống 1.178 tỷ đồng, hoặc thấp hơn 13% so với dự báo của chúng tôi. Lãi tỷ giá giảm mạnh (giảm 89% xuống còn 51 tỷ đồng) dẫn đến lãi tài chính giảm do vào quý 4 năm ngoái MSN đã phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá liên quan đến khoản nợ (bằng USD) 1,24 tỷ USD.

Trong khi đó, chi phí lãi vay giảm nhẹ 2% xuống còn 1.707 tỷ đồng sau khi dư nợ thuần giảm 6% kể từ đầu năm, nhờ có khoản đầu tư mới từ Bain Capital

(250 triệu USD) và tiền đặt cọc từ Mitsubishi Materials (54 triệu USD), bù trừ 200 triệu USD được chỉ cho việc mua thêm 7,1% cổ phần tại WCM.

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 97.200đ

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu là 97.200đ. Chúng tôi vẫn ưa thích cổ phiếu MSN nhờ triển vọng lợi nhuận cải thiện (đặc biệt là MCH và WCM), cũng dư nợ giảm). Sau khi giá cổ phiếu tăng 10% trong 3 tháng qua, MSN đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2025 là 29,7 lần, cao hơn bình quân các công ty cùng ngành ở mức 16,2 lần.

Bảng 2: EBITDA* theo mảng kinh doanh, MSN

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ	2024F của HSC
MCH	1,896	2,184	15%	5,078	5,739	13%	8,811
WCM	228	327	43%	452	748	65%	1,220
MHT	551	467	-15%	1,696	1,166	-31%	1,388
MML	124	166	34%	170	414	144%	239
PLH	78	69	-12%	206	201	-2%	154
Đóng góp của TCB	1,045	1,136	9%	2,898	3,601	24%	4,557
Khác/Điều chỉnh	(183)	(116)	-37%	(325)	(528)	62%	(816)
MSN hợp nhất	3,739	4,233	13%	10,175	11,341	11%	15,553

Ghi chú: *Tỷ lệ sở hữu của MSN là 100%, ngoại trừ TCB (MSN nắm giữ 19,9% cổ phần)
 Nguồn: MSN, HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	76,189	78,252	84,363	84,013	89,722
Lợi nhuận gộp	21,035	22,121	25,461	28,059	30,544
Chi phí BH&QL	(16,366)	(17,942)	(19,729)	(20,678)	(21,934)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	4,669	4,179	5,732	7,381	8,610
Lãi vay thuần	(4,848)	(7,422)	(6,401)	(6,008)	(5,765)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	4,340	3,896	4,628	5,464	6,459
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	986	1,911	2,097	964	928
LN TT	5,147	2,563	6,057	7,801	10,232
Chi phí thuế TNDN	(393)	(693)	(1,439)	(1,580)	(1,866)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,187)	(1,451)	(2,145)	(2,390)	(2,822)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	3,567	419	2,474	3,831	5,544
Lợi nhuận thuần ĐC	3,567	419	2,474	3,831	5,544
EBITDA ĐC	9,076	8,302	10,150	11,896	13,226
EPS (đồng)	2,505	294	1,726	2,677	3,875
EPS ĐC (đồng)	2,505	294	1,668	2,532	3,664
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,424	1,424	1,434	1,431	1,431
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,424	1,424	1,438	1,431	1,431
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,424	1,424	1,513	1,513	1,513

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	13,853	10,125	11,538	7,327	10,256
Đầu tư ngắn hạn	3,659	6,795	3,819	3,819	3,819
Phải thu khách hàng	13,930	11,985	14,513	14,498	14,483
Hàng tồn kho	14,445	13,175	13,068	13,013	13,898
Các tài sản ngắn hạn khác	1,787	1,684	1,674	1,664	1,654
Tổng tài sản ngắn hạn	47,675	43,763	44,611	40,320	44,109
TSCĐ hữu hình	30,612	30,469	30,679	30,843	30,907
TSCĐ vô hình	12,575	12,106	11,355	10,604	9,853
Bất động sản đầu tư	730	709	601	543	485
Đầu tư dài hạn	2,854	2,938	2,938	2,938	2,938
Đầu tư vào Cty LD,LK	28,480	30,282	33,859	38,598	44,408
Tài sản dài hạn khác	18,418	27,117	24,681	23,580	23,245
Tổng tài sản dài hạn	93,668	103,620	104,114	107,106	111,836
Tổng cộng tài sản	141,343	147,383	148,724	147,427	155,945
Nợ ngắn hạn	40,567	28,030	29,014	27,125	27,028
Phải trả người bán	7,489	6,318	6,630	6,298	6,661
Nợ ngắn hạn khác	16,161	14,109	15,168	15,145	15,516
Tổng nợ ngắn hạn	65,321	50,423	52,820	50,641	51,449
Nợ dài hạn	30,426	41,542	38,067	32,727	32,073
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	3,542	3,406	3,406	3,406	3,406
Nợ dài hạn khác	777	8,250	8,221	8,221	8,221
Tổng nợ dài hạn	34,744	53,198	49,695	44,355	43,700
Tổng nợ phải trả	104,706	109,146	108,040	100,522	100,674
Vốn chủ sở hữu	26,153	26,560	30,736	34,567	40,111
Lợi ích cổ đông thiểu số	10,484	11,678	9,948	12,338	15,160
Tổng vốn chủ sở hữu	36,637	38,237	40,684	46,905	55,271
Tổng nợ phải trả và VCSH	141,343	147,383	148,724	147,427	155,945
BVPS (đ)	18,369	18,647	21,369	24,159	28,033
Nợ thuần*/(tiền mặt)	57,140	59,448	55,544	52,526	48,844

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	4,669	4,179	5,732	7,381	8,610
Khấu hao	(4,407)	(4,124)	(4,417)	(4,515)	(4,616)
Lãi vay thuần	(4,848)	(7,422)	(6,401)	(6,008)	(5,765)
Thuế TNDN đã nộp	(903)	(816)	(1,630)	(1,761)	(2,048)
Thay đổi vốn lưu động	(7,047)	631	1,324	(213)	18.9
Khác	(66.5)	(195)	(381)	(364)	(751)
LCT thuần từ HKKD	(3,789)	500	3,062	3,549	4,682
Đầu tư TS dài hạn	(4,165)	(2,229)	(2.15)	(1,388)	(2,154)
Góp vốn & đầu tư	(16,636)	709	0	0	0
Thanh lý	308	(28,674)	0	0	0
Khác	(5,954)	22,370	1,063	1,172	1,352
LCT thuần từ HĐĐT	(26,447)	(7,824)	1,060	(217)	(803)
Cổ tức trả cho CSH	0	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	(40.4)	71.1	0	0	0
Tăng/giảm nợ	23,104	(87,325)	(2,490)	(7,229)	(752)
Khác	(1,267)	90,800	(219)	(314)	(198)
LCT thuần từ HĐTC	21,796	3,546	(2,709)	(7,543)	(950)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	22,305	13,853	10,125	11,538	7,327
LCT thuần trong kỳ	(8,440)	(3,777)	1,413	(4,211)	2,929
Ảnh hưởng của tỷ giá	(11.8)	48.4	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	13,853	10,125	11,538	7,327	10,256
Dòng tiền tự do	(7,954)	(1,728)	3,060	2,161	2,528

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	27.6	28.3	30.2	33.4	34.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	11.9	10.6	12.0	14.2	14.7
Tỷ suất LNT (%)	4.68	0.54	2.93	4.56	6.18
Thuế TNDN hiện hành (%)	7.63	27.0	23.8	20.3	18.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	(14.0)	2.71	7.81	(0.42)	6.80
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(16.9)	(8.52)	22.2	17.2	11.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(58.3)	(88.3)	491	54.9	44.7
Tăng trưởng EPS (%)	(58.6)	(88.3)	487	55.1	44.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(58.6)	(88.3)	467	51.8	44.7
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	12.1	1.59	8.64	11.7	14.8
ROACE (%)	5.57	4.83	5.94	7.66	8.56
Vòng quay tài sản (lần)	0.57	0.54	0.57	0.57	0.59
Tiền mặt HĐ/EBIT (lần)	(0.81)	0.12	0.53	0.48	0.54
Số ngày tồn kho	95.6	85.7	81.0	84.9	85.7
Số ngày phải thu	92.2	77.9	89.9	94.6	89.3
Số ngày phải trả	49.6	41.1	41.1	41.1	41.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	221	227	184	154	124
Nợ/tài sản (%)	50.6	47.8	45.7	41.2	38.5
EBIT/lãi vay (lần)	0.96	0.56	0.90	1.23	1.49
Nợ/EBITDA (lần)	7.88	8.48	6.70	5.10	4.54
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.73	0.87	0.84	0.80	0.86
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.23	2.20	2.01	1.98	1.81
EV/EBITDA ĐC (lần)	18.8	20.8	16.7	14.0	12.3
P/E (lần)	31.7	270	46.0	29.7	20.5
P/E ĐC (lần)	31.7	270	47.6	31.4	21.7
P/B (lần)	4.32	4.26	3.72	3.29	2.83
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn